TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:17/2025/HNGĐST
Ngày: 23/7/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Xuân Thùy**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Phan Thị Thanh Dung.**
2. Ông **Nguyễn Thị Kim Cúc.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Huỳnh Lan Vi** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Việt Hà**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 97/2025/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2025, quyết định hoãn phiên toà số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 23/6/2025; thông báo thời gian và địa điểm mở lại phiên toà số 12.1/2025/TB-TA ngày 10/7/2025, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn**: PTNL, sinh năm: 1988, địa chỉ: 26 L, khu phố M, phường T, thành phố Đ.

2. **Bị đơn**: Ông NXH, sinh năm: 1988, địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đ.

Bà PTNL có mặt, ông NXH vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà PTNL trình bày:

Bà PTNL và ông NXH tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Tam Anh Bắc, huyện Núi Thành vào năm 2017. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung. Đầu năm 2024, bà PTNL và ông NXH phần ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau. Nay tình cảm không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục, bà PTNL làm đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Núi Thành giải quyết cho bà được ly hôn ông NXH.

Về con chung có một con tên NNBH, sinh ngày: 04/5/2018. Nếu ly hôn

bà PTNL yêu cầu được nuôi cháu NNBH, tại đơn khởi kiện bà yêu cầu ông NXH cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4 triệu đồng; tuy nhiên quá trình hoà giải và tại phiên toà bà không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông NXH.

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông NXH không có lời khai tại hồ sơ, không có mặt tại phiên toà, tuy nhiên có nêu ý kiến tại biên bản giao nhận quyết định hoãn phiên toà là "*tôi không đồng ý ly hôn*"; ngoài ra ông NXH không có ý kiến trình bày về vấn đề nào khác.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật; riêng ông NXH vắng mặt khi toà án triệu tập hợp lệ là không tuân thủ quy định pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà PTNL được ly hôn NXH. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung NNBH, sinh ngày 04/5/2018 cho bà PTNL trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nNNBH dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[**1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án**: Bà PTNL có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông NXH. Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn thì ông NXH có đăng ký thường trú thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Q. Do đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Theo quy định tại Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15, vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân khu vực 5 – Đà Nẵng.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Ông NXH là bị đơn đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông NXH có nêu ý kiến không tham gia phiên toà (tại biên bản giao nhận thông báo thời gian và địa điểm mở lại phiên toà) mà không có lý do chính đáng. Thực tế ông NXH vắng mặt tại phiên tòa lần hai không có lý do chính đáng, do vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông NXH là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] **Về nội dung**:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà PTNL và ông NXH tự nguyện tìm hiểu đến với nhau thành vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N vào năm 2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà PTNL và ông NXH là hợp pháp,

được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà PTNL là do vợ chồng bất đồng quan điểm. Từ đầu năm 2024 đến nay vợ chồng phần ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau.

[3.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm hòa giải cho hai bên khắc phục mâu thuẫn quay về đoàn tụ. Ông NXH đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu của bà PTNL cũng không đến Toà án mà không có lý do, do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được. Điều này thể hiện ý chí của NXH không mong muốn hoà giải khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà PTNL và ông NXH đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà PTNL được ly hôn với ông NXH là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung: Bà PTNL và ông NXH có con chung tên NNBH, sinh ngày 04/5/2018. Bà PTNL yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Ông NXH không có ý kiến gì về vấn đề này.

[3.3.1] Hội đồng xét xử xét thấy: việc giao con cho ai nuôi phải xem xét với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng cũng như đảm bảo sự phát triển ổn định về thể chất và tinh thần cho đứa trẻ, cần phải xem xét toàn diện mọi mặt để đưa ra phán quyết phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đạo đức xã hội. Cháu NNBH hiện đang được bà PTNL trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu có ý kiến được ở với mẹ. Ông NXH cũng không trình bày nguyện vọng, yêu cầu của mình đối với vấn đề này. Do vậy, xét giao cháu NNBH, sinh ngày 04/5/2018 cho bà PTNL trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu NNBH đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3.2] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên bà PTNL cam đoan có đủ khả năng kinh tế nuôi con và đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.6] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về án phí hôn nhân – đình sơ thẩm**: Bà PTNL phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nNNBH và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà PTNL về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* đối với bị đơn ông NXH.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà PTNL được ly hôn với ông NXH.

2. Về con chung: Giao con chung NNBH, sinh ngày 04/5/2018 cho bà PTNL trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không đặt vấn đề giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà PTNL phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà PTNL đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007109 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

6. Về quyền kháng cáo: Bà PTNL có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông NXH có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- UBND xã Tam Anh, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Thùy